

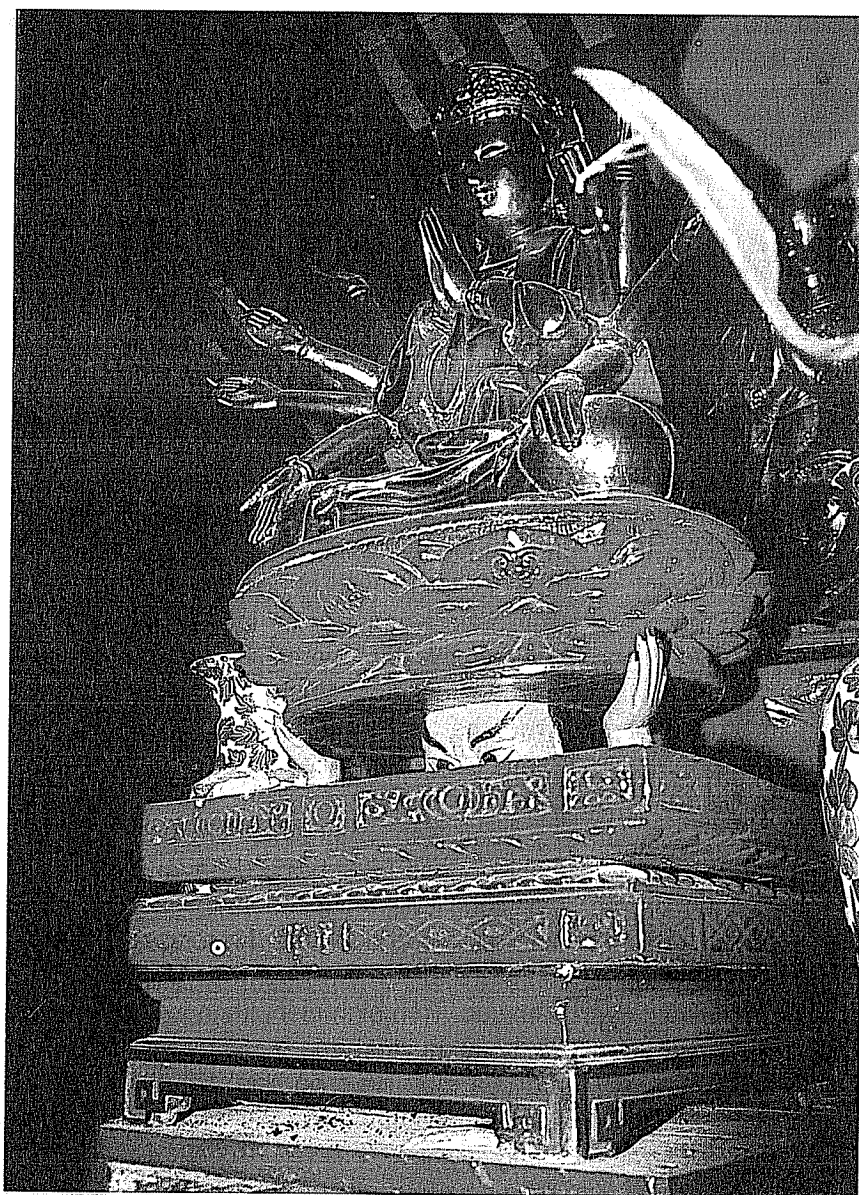
Về thông điệp của người xưa qua di tích chùa Keo

ĐỖ QUỐC TUẤN

Hồi lần đến với chùa Keo Thái Bình, được đắm chìm trong không gian u tịch, nghe tiếng chuông buông ngân thong dong, như quyện hồn ai, rồi lan xa và rất xa, mà chìm dần vào vô tận. Người Phật tử chợt tỉnh cơn mê tục lụy, thoáng như thấy mình bước vào không gian thánh thiện, để hướng tới miền trí tuệ, mà sinh lòng thanh tao, quy về cõi bình an. Có lẽ lúc ấy ta mới cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của chùa Keo qua bàn tay kỳ diệu của người xưa. Ngược dòng lịch sử cách nay trên 1000 năm, nơi đây còn là một vùng đất phù sa hoang vu nằm dọc theo hạ lưu sông Hồng, do quá trình biển tiến bồi tụ lên. Nơi đây có hai ngôi chùa cùng có tên nôm là chùa Keo và tên chữ là Nghiêm Quang tự, đến tháng 3 năm Đinh Hợi, niên hiệu Chính Long Bảo Ứng thứ 5 (1167) đời Lý Anh Tông được đổi là chùa Thần Quang. Bởi vì, với tên gọi Thần Quang tự nó gắn gũi, thích hợp với quần chúng hơn. Thần Quang là ánh sáng của đạo pháp, là ánh

sáng "từ tâm" để mở "thiện căn". Hai chùa này, ngoài thờ Phật còn thờ một vị thánh là Dương Không Lộ - một vị thiền sư kiêm đạo sĩ thời Lý (xem những tư liệu chép tay, tư liệu bia ký lưu tại chùa Keo Thái Bình và bài "Các lớp văn hoá trong sự tích thánh Dương Không Lộ" của Phạm Thị Thu Hương - *Tạp chí Di sản văn hoá* - số 2(11) - 2005, trang 76). Đó là chùa Keo thuộc làng Hành Dũng Nghĩa (tức Hành Nghĩa và Dũng Nghĩa) nay là xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và chùa Keo thuộc làng Hành Thiện nay là xã Xuân Hồng, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định (theo các văn bia cổ ở hai chùa, thì chùa Keo Thái Bình thuộc xã Dũng Nhuệ, còn chùa Keo Nam Định thuộc xã Hành Cung, cả hai xã này đều thuộc huyện Giao Thủy, phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam xưa).

Truyền thuyết và văn bia ở hai chùa Keo đều nói: Chùa có từ thời Lý, ở thời Trần có cả nghìn mẫu ruộng. Hẳn lúc này đất mới bồi rất rộng, người còn thưa và do đó chùa làng cũng



Quan Âm Nam Hải, chùa Keo, gỗ, giữa thế kỷ XVII - Ảnh: Hữu Toàn

đơn sơ. Đến thời Hậu Lê, làng lớn dần, dân đông, bộ mặt khởi sắc hẳn lên. Trong chùa Keo Thái Bình, ở gian thờ Hậu có bài vị Phạm Tráng, đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, khoa Kỷ Mão, đã làm tới chức Lại bộ thị lang. Sách *Các nhà khoa bảng Việt Nam* cho biết, Phạm Tráng người Dũng Nhuệ, huyện Giao Thủy, có học vị và chức tước như ở bài vị, chỉ khác một chút là đỗ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Cảnh Thống 5 (1502), (nếu Kỷ Mão thì là 1519). Như vậy, đầu thế kỷ XVI nơi đây đã là vùng quê văn hiến. Năm 1588 và 1611, những trận vỡ đê, lụt lớn, đất lở khiến cho nhân dân vùng này phải chia đôi, rồi tái lập làng mới.

Chùa Keo Thái Bình được dựng từ đầu thế kỷ XVI, đến đầu thế kỷ XVII được trùng tu với quy mô lớn, nhưng lũ lụt năm 1611 (?) làm cho ngôi nhà trôi dạt. Từ tháng 8 năm Canh Ngọ (1630) đến tháng 11 năm Nhâm Thân (1632) chùa được dựng lại với quy mô lớn, gồm Phật điện, hành lang, gác chuông, nhà oản, tam quan, nhà am, nhà bia... tất cả 21 dãy gồm 154 gian, có tường vách bao quanh bốn phía. Đến năm Tân Hợi (1671), chùa lại được tu sửa thêm, to đẹp hơn trước. Năm 1698, đúc lại quả chuông to, cao hơn 180 cm. Năm 1796, dân xã Dũng Nhuệ đúc thêm hai quả chuông nữa. Từ tháng

Hành Cung ở hữu ngạn, Dũng Nhuệ ở tả ngạn sông Hồng, đồng thời cũng xây hai chùa Thần Quang mới mà gọi theo tên Nôm của hai làng đều là chùa Keo. Ngày nay, hai chùa này theo đường chim bay cách nhau khoảng 3 km, nếu đi đò không quá 5 km.

Cả hai chùa Keo đã qua nhiều lần tu bổ, song trong chùa còn nhiều bia cho biết quá trình phát triển của từng chùa, qua đó có thể đối chiếu lịch sử và hiện trạng của hai công trình để thấy sự gắn bó đặc biệt của cặp song sinh này.

Ở chùa Keo Thái Bình, hiện có các bia đá, biển gỗ và chuông đồng được làm vào các năm 1608, 1632, 1698, 1707, 1796, 1865 và 1885.

Những tư liệu văn tự ấy đã đề cập đến sự tích đức Thánh và quá trình tu bổ chùa.

3 năm Giáp Thân (1884) đến tháng 3 năm Ất Dậu (1885) tu sửa hai toà Hộ Pháp (Tiền đường) và Tiền Thần (điện Thánh). Ngoài ra, dân trong vùng còn nhớ những lần sửa chữa ở khoảng giữa và cuối thế kỷ XX: Năm 1941, sửa lại Gác chuông và toà Giá roi. Tháng 2 năm 1954, Gác chuông bị đạn pháo của Pháp bắn đổ 2 tầng trên, cuối năm 1957 được sửa chữa lại như cũ. Năm 1991 và 1994 trùng tu dãy hành lang phía Tây và phía Đông. Năm 1996, trùng tu toà Giá roi. Năm 1997, kê đá lại bờ các hồ xung quanh chùa. Năm 2002 trùng tu tam quan và nhà kiêu. Năm 2004 đến nay trùng tu khu chùa Phật và Gác chuông. Bên cạnh đó, nhiều câu đối có lạc khoản rõ ràng, được làm vào các năm 1842, 1860, 1873, 1874, 1875, 1889, 1902 cùng đó là một số hoành phi có lạc khoản "can chi", thuộc các năm 1865, 1867, 1870, 1882, 1886. Trong những đồ thờ có ghi niên đại, đặc biệt có đôi chân đèn gốm thời Mạc làm năm 1581, một số đồ đồng khắc rõ tên người hoặc tập thể cung tiến như các hội Tân Hưng, hội Phú Thọ, hội Nghĩa Phúc vào các năm can chi: Giáp Dần (1914) và Bính Dần (1926).

Chùa Keo Nam Định hiện còn 3 tấm bia tạc năm 1612, 1671, 1704, một tấm bị vỡ dọc mất phần ghi niên đại, nhưng căn cứ vào các hình trang trí, có thể thuộc đầu thế kỷ XVII và 2 quả chuông đồng đúc năm 1895 cùng một chiếc khánh đồng.

Hệ thống thư tịch cho biết: Chùa Keo Nam Định được dựng ở xã Hành Cung. Khoảng năm 1612, một số người đã bỏ tiền làm thêm các toà Tiền đường, Thiêu hương, Bảo điện (Thượng điện). Mấy chục năm sau, chùa được xây dựng lại với các toà Tiền và Hậu Phật đường, hành lang hai bên và Gác chuông rộng rãi. Nhưng rồi ngôi chùa chạm khắc quy mô, nguy nga ấy bị đê vỡ làm đổ nát. Vào năm 1671, quan và dân ở đây đã trùng tu lại, tốn hơn vạn quan tiền. Đến năm 1704, đúc tượng Thánh, năm 1861 (?) đúc khánh và năm 1895 đúc hai quả chuông, trong đó có quả cao tới 166 cm.

Như vậy, cả hai chùa Keo ở Thái Bình và Nam Định đều từ một gốc chung là ngôi chùa thuộc các thời Lý - Trần đến thời Lê đã tách đôi theo dân di tái lập làng ở Dũng Nhụ và ở Hành Cung, cùng được làm lại ở các thập niên

đầu thế kỷ XVII, mở rộng và làm mới kang trang hơn ở thập niên 30, đến đầu thập niên 70, từ đó đến nay tương đối ổn định. Những năm cuối thế kỷ XVII trở đi cho đến suốt các thế kỷ XVIII - XIX và XX chỉ có sửa chữa, đúc tượng, chuông, khánh và làm nhiều hoành phi, câu đối cùng những đồ thờ quý giá. Trên cơ sở các văn tự (chủ yếu ở thế kỷ XVII) và tìm hiểu hiện trạng công trình, ta thấy người xưa đã chọn môi trường địa lý làm nền cho kiến trúc nảy sinh và hội nhập. Đây là vùng đất thuộc huyện Giao Thủy, vốn được phát triển từ hương Giao Thủy, trong thế đất lan dần ra Biển Đông, có các dòng nước giao nhau (sông với sông, sông với biển) và kéo theo là sự giao lưu văn hoá. Vùng đất mới bồi này tuy dễ bị nạn sông lở và thường xuyên hứng chịu bão biển, song vẫn được người xưa tin là có "mạch đất tốt, phong cảnh đẹp" thể hiện trên văn bia 2 chùa Keo Thái Bình và Nam Định dựng năm 1632. Trước hết, chúng ta tìm hiểu chùa Keo Thái Bình, còn chùa Keo Nam Định chỉ để đối chứng.

Chùa Keo Thái Bình nằm trong ven đê, nhìn ra dòng sông Hồng (Hoàng Giang) đoạn uốn cong lượn, thuộc thế "trạch đắc long xà địa khả cư" (chọn được thế đất rồng rắn để dựng nhà thì thật yên tâm) mà Dương Không Lộ rất tâm đắc. Trên bình diện, không kể vành ngoài là ruộng và vườn (mà nay đã trở thành khu cư trú của mấy chục hộ dân) khuôn viên chính còn lại của chùa hiện rộng 130m, dài 240m có hàng cây gạo ở hai bên. Trước chùa là một bãi rộng có nhiều cây cổ thụ xum xuê, trước đây ngày thường họp chợ, còn ngày hội làm chỗ rước sách và vui chơi. Hai thế giới ồn ào ngoài đời và thanh tịnh trong chùa quyện lại, đối đãi trong một toàn cảnh để các phật tử "thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa". Những cây đại thụ ấy như truyền hút sinh lực của trời truyền cho đất. Hiện tượng có chợ trước chùa là một hình thức chung trong bố cục mặt bằng kiến trúc tôn giáo của nhiều cư dân Đông Nam Á. Chợ và chùa là 2 mặt của một cặp phạm trù, nó đối lập nhưng thống nhất. Một thế giới ồn ào cân bằng với thế giới thanh tao, nhờ đó tâm hồn của chúng sinh trong cõi Sa bà không bị đổ vỡ. Chúng ta cũng thấy hiện tượng này ở chùa Đậu (Thuận Thành - Bắc Ninh), đây là một chùa cổ nhất còn lại thì có

chợ Âm hạp ngay ở trước mặt chùa. Đầu bãi chùa Keo có bệ dựng cột cờ vào ngày hội. Ngày hội lá cờ đại bay cao, cả vùng trông thấy, là tụ điểm của những dòng người trẩy hội. "Cho dù cha đánh mẹ treo, thì em không bỏ hội chùa Keo hôm rằm". Sau bãi là nội tự, phía trước và hai bên có hồ rộng tạo cho chùa luôn có một ôn độ mát mẻ. Trên bờ hồ là vườn cây, vườn cảnh, tạo nên tầng sinh thái xanh tươi để cản gió to khi có bão và tôn những mái chùa cổ kính bên trong mà không che lấp nét đẹp kiến trúc.

Trên mặt bằng tổng thể kiến trúc chùa Keo phân ra làm nhiều lớp đơn và kép, có sự dân cách khác nhau. Mở đầu là toà "nhà kiệu" như một nét chấm phá để dẫn dẫn ở bờ ngoài của hồ, còn bờ trong là Tam quan như xác nhận đất Phật, đằng sau là sân cỏ ngăn giữa hai hàng cây cao, tất cả đã như tạo nên một không gian mở hoà đồng với vũ trụ và xã hội bên ngoài. Sau sân cỏ thực sự bước vào thế giới của Phật, Thần, với kiến trúc kiểu "nội công ngoại quốc". Đằng trước là nhà Tiền đường dàn ngang 5 gian 2 chái, có hàng hiên rất rộng. Hai bên có hành lang, mỗi dãy 26 gian chạy dài hun hút, cuối hành lang nối vào nhà Hậu đường, gồm nhà Giải vũ (mỗi bên dàn ngang 5 gian) kẹp lấy Gác chuông ở giữa. Toàn bộ những khu nhà trên tạo thành một khung hình chữ nhật khép kín được gọi là hình chữ Quốc. Bên trong chữ Quốc, thật ra kể từ nét ngang mở đầu - tức nhà Tiền đường, có hai khu thờ Phật và thờ Thánh đều bố cục mặt bằng theo hình chữ Công, khu trước thờ Phật rộng mở đón các thiện nam, tín nữ, khu sau thờ Thánh thâm nghiêm nên phía trước có thêm toà Giá roi như một nét ngang bên trong chữ Công kép. Bố cục này được lặp lại tạo nên sự phong phú, đa dạng. Ba nếp nhà của khu thờ Phật mang tên gọi thông thường trong kiến trúc Phật giáo là Tiền đường - nhà Cầu - Thượng điện. Đối với việc thờ Thánh vì có tế lễ, nên ba nếp nhà gắn với nhau theo kiến trúc đền thần là Bái đường - Thiêu hương - Hậu cung (hay cung Thánh). Thánh Không Lộ ở đây là một cao tăng được xem như Phật, nên cung Thánh còn gọi là cung thờ Thiên thần. Toà nhà trước Bái đường vốn bày các giá đồ thờ và binh khí nên gọi là Giá roi, là nơi hành lễ tế Thánh.

Các toà nhà trên đây được sắp xếp trên một

trục kiến trúc từ cột cờ đến gác chuông theo một nhịp điệu ở cả mặt bằng và chiều cao. Trên mặt bằng chúng tạo những độ dân cách từ thưa thớt đến dồn dập: Nhà Kiệu và Tam quan cách nhau cả một cái hồ rộng, từ Tam quan đến khu thờ Phật cách một sân cỏ vừa phải như tấm thảm xanh. Sau nhà Thượng điện cách khoảng sân hẹp là nhà Giá roi. Giá roi giáp kề với Bái đường làm cho khu thờ Thánh lớn hơn khu thờ Phật. Sau Hậu cung qua một lạch sân rất hẹp là tới Gác chuông được xem như nhà cuối cùng.

Nguyên tắc bố cục kiến trúc ở đây là sự đăng đối giữa hai bên trục kiến trúc xuyên tâm từ Cột cờ đến giữa Gác chuông, do đó gây ấn tượng về sự tôn nghiêm, trang trọng và bề thế, các lớp nhà cứ lần lượt tái hiện, hun hút như không cùng. Nhưng tổng thể lại không khô cứng, một phần do chính lối xây dựng của dân gian không tạo sự cân xứng tuyệt đối mà chủ yếu dựa vào sự thuận mắt, trong thế nhịp nhàng, uyển chuyển đầy chất trữ tình. Chẳng hạn hai dãy hành lang, mỗi gian rộng trên dưới 2m25, nhưng dẫn đến gian cuối ở dãy phải chỉ còn 1m58. Hai Giải vũ như cánh gà ở hai bên Gác chuông cũng vậy, mỗi bên đều 5 gian, nhưng dãy bên phải lại dư ra gian xếp rộng 1m50 nữa làm cửa thông ra vườn sau chùa.

Tính thống nhất ở tổng thể nhưng đổi mới ở chi tiết được thể hiện rõ khi đi vào các nếp nhà và khi quan sát tới các bộ phận của kiến trúc. Hầu hết các nhà có bộ mái xoà ra bốn phía, góc mái khớp lại uốn lên thành hoa đao, rìa mái là đường thẳng chạy ra hai đầu cong vênh nhẹ nhàng; nhưng toà Giá roi cơ bản làm theo kiểu hai mái trước và sau, mỗi đầu hồi lại thêm bộ mái kép hai lá, tất cả các mái của nhà này đều là mặt phẳng nghiêng có các cạnh là đường thẳng đứng. Trong bố cục chữ Công, nhà Thiêu hương của hai điện thờ Phật và thờ Thánh đều chạy dọc, nghiêng mái xuống hai bên.

Gắn với mái là các bờ nóc, bờ giải, đầu kim, con xô và đao. Bờ nóc và bờ giải đều đắp cao, thành đường gân cứng cáp, lòng bờ nóc của các toà Thượng điện, Bái đường và Hậu cung cùng bờ với giải điện Thánh lại được gắn gồm men hộp trở hoa chanh. Đầu kim ở các toà Tam quan, Tiền đường và Thượng điện đều đắp trụ đầu "năm cơm", riêng ở Tiền đường

gắn ngay phía trong trụ là đầu thủy quái Makara ngậm bờ nóc. Đầu kim của Bái đường và Hậu cung được gắn hình Makara hoá rồng bằng gốm men hất đuôi cao lên như một dấu hỏi (?) trở thủng duyên dáng. Con xô ở khúc nguynh của toà Tiền đường là lân đắp quay nhìn vào giữa, ngược lại ở khu thờ Thánh, cả Bái đường và Hậu cung đều gắn lân sành thon thả chạy lao xuống, rồi chững lại trông rất sinh động. Góc đao, trang trí mây xoắn hoặc đầu rồng theo kiểu hồi long, riêng ở hậu cung là cặp rồng phượng châu nhau. Hệ mái nhà của chùa Keo đã nhấp nhô cao thấp, lại luôn thay đổi từ kiểu cách đến hình trang trí, đã hoà cùng những cây cảnh trong sân (đại, ngẫu...), tạo nên một không gian rục rờ, tươi mát.

Nhà Kiệu là công trình mở đầu, gồm 3 gian 2 chái, dân địa phương thường gọi là "đình", với tính chất ngày hội rước kiệu Thánh ra đây ngự cho mọi người làm lễ. Công trình này có 4 hàng cột, kết cấu theo lối vừa có câu đầu ở đầu 2 cột cái, vừa có dầm xuyên cột cái nối với đầu 2 cột quân, kết hợp với hệ thống xà tạo thành bộ khung rất chắc, tuy ở phía ngoài nhưng có đề cao và nhiều cây cổ thụ che chắn nên chống gió bão khá tốt.

Tam quan 3 gian, thực sự mang tính chất thuộc lĩnh vực vũ trụ quan Phật giáo, chỉ mở vào ngày hội để rước kiệu qua, hàng ngày đi lại đã có cổng xây ở hai bên. Các vì nhà đều đứng trên 3 hàng cột, dầm cột cái ở giữa là kết cấu nương dựa của các khung cửa với từng cặp cánh lớn. Đặc biệt bộ cánh cửa giữa chạm rồng và lân với những đao mác tua tủa vút lên, có tính điển hình của phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ XVII. Lối kết cấu vì 3 hàng chân này còn thấy ở Nghi môn đền vua Đinh (Ninh Bình) cùng thời và là một trong không nhiều tam quan có 3 hàng chân cột sớm nhất nước ta.

Tiền đường là công trình quy mô lớn 5 gian 2 chái, đều rộng xấp xỉ nhau (từ 3m40 đến 3m48). Hàng cột phía ngoài ở 5 gian đều có cửa bức bàn và 2 gian chái lắp cửa sổ thượng song hạ bản. Hiên rộng tới 3m50 nằm dưới hệ thống kẻ đỡ mái. Các kẻ được chạm mây đao đơn giản, chỉ riêng chiếc kẻ gian giữa bên trái chạm đôi phượng hàm thư. Hai bẩy góc ở hiên cũng là hai tác phẩm đáng chú ý: Chiếc bên phải chạm đầu rồng, chiếc bên trái mặt trong

chạm cá hoá rồng, còn mặt ngoài chạm rùa phun nước. Trong nội thất các "vì nóc" ở hai nửa khác hẳn nhau: Nếu bên trái theo kiểu giá chiêng kết hợp chống rường thì bên phải thuần chống rường. Nối cột cái với cột quân ngoài là chiếc kẻ dài, đuôi kẻ "đỡ" câu đầu, nhưng nửa sau là các "đầu dư" đã phá đi sự đối xứng với các bẩy chéo, tạo kiểu "tiền kẻ, hậu bẩy". Trang trí và cấu trúc ở đây có phong cách muộn, thống nhất với niên đại ghi dưới bụng hai câu đầu gian giữa: "Phụng Phạn thái tuế Quý Mão niên lục nguyệt thập lục nhật thìn thời thụ trụ thượng lương đại cát" (dựng cột, đặt nóc vào giờ Thìn, ngày 16 tháng 6 năm Quý Mão).

"Thái tuế Ất Tỵ niên bát nguyệt sơ lục nhật thìn thời thụ trụ thượng lương cốc nhật" (đặt nóc vào giờ Thìn, ngày 6 tháng 8 năm Ất Tỵ).

Nhà Cầu gồm 3 gian chạy dọc từ Tiền đường vào Thượng điện. Thượng điện có 1 gian 2 chái. Hai nhà này đều có 4 hàng cột đỡ "vì nóc" theo kiểu chống rường, nét riêng là các bẩy đỡ hiên của hai nhà này đều là bẩy ngang như cắm từ cột hiên ra, nên có vẻ yếu, phía ngoài phải có cột trụ chống. Hiện tượng này không phải nằm trong hệ thống kiến trúc truyền thống cốt lõi của người Việt. Nó không tạo cho kiến trúc cao lên nhưng vẫn tạo ra độ thông thoáng có ánh sáng của nền nhà. Với "sáng kiến" này một số nhà nghiên cứu cho rằng phần nào đã ảnh hưởng từ kiến trúc Trung Hoa. Phải chăng đây là thực nghiệm một lối bẩy mới mà đầu thế kỷ XVII mới xuất hiện (như ở Thượng điện chùa Bút Tháp - Bắc Ninh, 1647)? Trong nhà Cầu, trên một câu đầu gỗ có khắc dòng niên đại: "Thái tuế Tân Mùi niên nhuận trọng xuân nguyệt thập ngũ nhật quý thời thụ trụ thượng lương" (dựng cột, đặt nóc vào giờ tốt ngày 15 tháng 2 năm Tân Mùi nhuận).

Giá roi mở đầu khu thờ Thánh, tuy độc lập nhưng giáp liền với Bái đường, được sửa chữa lớn vào năm 1941 và năm 1996 làm lại gần như hoàn toàn. Trên xà nóc gian bên và gian giữa còn khắc rõ:

"Hoàng triều Bảo Đại thập lục niên tuế thứ Tân Tỵ cứu nguyệt sơ lục nhật trùng tu".

"Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhị thập nhất niên tuế thứ Bính Tý thụ trụ thượng lương đại cát".

Điều đáng tiếc là câu sau ở gian giữa, khi

đọc phải đứng quay lưng vào trong cung, xưa là việc cấm kỵ.

Kết cấu kiến trúc khu thờ Thánh cũng giống như khu thờ Phật, song có nét riêng là các bẩy đều nằm ngang: Xuyên qua cột vào trong, từ đôi bẩy có một tay chống ngấn chéo lên chiếc xà nách, và phía ngoài có một tay chống dài nối từ cột lên bụng bẩy. Hệ thống ván lá gió ở khu thờ Thánh chạm nhiều đầu ba chạc chồng nhau. Trước khu Thiêu hương có những ô lấp ván mỏng chạm hoa phù dung. Có thể xếp kết cấu kiến trúc và hình trang trí ở điện Thánh thuộc lần mở rộng chùa, năm 1671.

Gác chuông ở sau cùng là một kiến trúc độc đáo nhất của chùa, dựng trên nền cao 60 cm, vươn lên gần 12m thuộc loại gác chuông cao nhất của nước ta vào thế kỷ XVII - XVIII. Dạng hiện tượng gác chuông đứng đằng sau chùa là dạng phổ biến khá sớm ở nước ta (ví dụ như gác chuông chùa Diêm Giang - Hoa Lư - Ninh Bình có từ thế kỷ XVI). Tòa nhà này có kiến trúc 3 tầng 12 mái, như một bông sen khổng lồ. Dưới hệ thống mái của 2 tầng trên là những dàn "con sơn" nhô ra như đầu voi trên cơ sở hệ thống đầu ba chạc. Kiểu thức này còn gặp ở điện Thánh chùa Bối Khê, có niên đại chuyển tiếp từ thế kỷ XVII sang XVIII. Hệ thống con sơn ở nước ta có từ thời Lý, dấu tích sớm nhất trên gỗ có thể nói từ chùa Diêm Giang (Ninh Bình), và được nâng lên một tầm cao mới là tại chùa Keo Thái Bình. Với hệ thống con sơn (đầu củng) được đưa vào kiến trúc ta như tìm thấy một góc của giá trị tâm linh (trước đây, nhà nghiên cứu cổ học Trần Đức Diễm của Vụ Bảo tồn Bảo tàng (nay là Cục Di sản văn hoá) có giải thích: Khởi thủy con sơn được coi như đầu con dê, với hai nhánh bên tựa cho sừng, còn then giữa cho mõm dê. Đầu dê như tượng cho quý vương. Khi đưa vào kiến trúc (như gác chuông chùa Keo) là một biểu hiện về thế lực tà, khi nghe tiếng chuông chiêu mộ và thu không, cùng những lời kinh nên đã giác ngộ mà quy y cửa Phật). Tượng dưới dùng bẩy chéo, nhưng hai tầng trên lại là bẩy ngang như để hoà hợp với các con sơn. Bên trong các tầng đều có ván sàn ngăn cách, riêng tầng 3 có đóng ván trần. Tầng 1 treo khánh đá, tầng 2 treo chuông lớn đúc năm 1698, tầng 3 treo chuông vừa và chuông nhỏ đều đúc năm 1796. Toàn bộ trọng lượng của Gác chuông (kể cả

trọng lượng bộ chuông, khánh) đều truyền xuống bốn cột cái. Vì thế, chân tảng cổ bông bằng đá kê 4 cột này đều bị ép quá tải đã dẫn đến hiện tượng bị nứt ngang ở nơi hẹp nhất. Điều này ít người để ý đến, nhưng các nhà kiến trúc rất cần lưu tâm. Là gác chuông, nhưng thực chất là một dạng làm theo hình tháp, mỗi tầng có riềm được chạm khắc cánh sen vuông. Chúng ta có thể cho rằng đây là một kiến trúc cùng tính chất với tháp Cửu phẩm liên hoa (như chùa Đông Ngộ - Hải Dương hay chùa Bút Tháp - Bắc Ninh) để hội tụ vào đó ba tầng chứng quả của các kiếp tu lúc sinh thời (được gọi là Tam phẩm vắng sanh).

Trừ nền bó gạch, toàn bộ kiến trúc chùa Keo không hề xây tường, tất cả các nhà đều có vách đổ lợp gỗ lim. Khối lượng gỗ ở đây rất lớn. Các cột nhà đều dựng trên chân tảng đá, ở các nhà chính thì chạm hoa sen 12 cánh, ở nhà phụ và Tam quan thì để trơn. Còn có một số chân tảng cổ bông, được bổ sung muộn trong các lần tu sửa vào thế kỷ XIX - XX, ở Gác chuông và hiên Bái đường.

Trong chùa có nhiều tượng và đồ thờ quý mang phong cách thế kỷ XVI, và ở các thế kỷ XVII, XVIII, XIX, XX. Điều đó chứng tỏ về một sự quan tâm liên tục qua các thời.

Cùng với chùa Keo Thái Bình, chùa Keo Nam Định về cơ bản là sự song sinh: Quy mô cũng rất lớn (hành lang mỗi bên tới 40 gian), cũng kiểu "nội công ngoại quốc" với "tiền Phật hậu Thánh" riêng Tam quan lại kiêm Gác chuông 2 tầng nên gác chuông bắt buộc phải ở đằng trước chùa.

Chùa Keo Thái Bình, một di sản văn hoá vật thể điển hình trên dòng chảy lịch sử kiến trúc Việt Nam. Người Phật tử, mỗi lần tiếp cận với chùa, như được gặp gỡ với tổ tiên, được nghe lời nhắn nhủ của quá khứ về một truyền thống nghệ thuật kiến trúc tạo hình. Và, kèm theo đó là một vẻ đẹp tâm linh của một dòng Phật giáo dân tộc luôn hướng con người trôi theo dòng bản sắc để yêu hơn miền đất quê hương êm đềm đầm thắm giàu đẹp này./.